

VỀ TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

NGUYỄN TRỌNG TÀI

Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam được đặt ra khá cấp bách trong thời gian gần đây. Sở dĩ như vậy là bởi sự hoạt động của hệ thống này đã và đang có nhiều bất cập, nguy cơ gây những hệ lụy không mong đợi đối với nền kinh tế - xã hội. Lộ trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn đang tiếp tục được triển khai khá quyết liệt. Bài viết này sẽ tập trung đề cập và làm rõ thêm những bất cập của hệ thống ngân hàng Việt Nam với tư cách một trung gian tài chính trong nền kinh tế và là công cụ để truyền tải các thông điệp của ngân hàng trung ương đến nền kinh tế.

1. Thực trạng hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam

Cho đến nay, hệ thống các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam đã có sự phát triển trên cả hai phương diện: số lượng và chất lượng.

• **Xét về mặt số lượng:** tính đến nay, tại Việt Nam thị trường tín dụng có sự hiện diện của khá nhiều định chế, bao gồm: 5 NHTM nhà nước, 1 Ngân hàng Chính sách xã hội; 1 Ngân hàng Phát triển; 35 NHTM cổ phần tư nhân, 54 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 5 ngân hàng liên doanh; 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 60 văn phòng đại diện nước ngoài; 17 công ty tài chính; 12 công ty cho thuê tài chính¹. Ngoài ra, còn có sự hiện diện và hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) trong đó 1026 QTDND cơ sở, 1 QTDND trung ương và hàng loạt các tổ chức tài chính vi mô. Đi cùng với sự tăng lên về số lượng, các tổ chức này cũng đưa nhau mở thêm nhiều phòng giao dịch, chi nhánh trên toàn quốc nhằm đáp ứng nhu cầu về dịch vụ ngân hàng ngày càng tăng lên trong nền kinh tế.

• **Xét về mặt chất lượng:** trước năm 1986, mọi chu chuyển tiền tệ đều thực hiện theo kế hoạch và qua một ngân hàng duy nhất là Ngân hàng Nhà nước, nên không có vấn đề cạnh tranh trong giai đoạn này. Nhưng kể từ khi chuyển đổi hệ thống ngân hàng gắn với cơ chế thị trường, thì cạnh tranh trong lĩnh vực

ngân hàng từng bước được hình thành và ngày càng gia tăng. Đặc biệt, cùng với lộ trình thực hiện các cam kết mở cửa hội nhập, thị trường tín dụng hoạt động ngày càng sôi động, tính chất và mức độ cạnh tranh ngày càng thêm quyết liệt. Thể hiện:

(i) **Cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng (TCTD) với nhau.** Nếu như đầu những năm 1990, tại thị trường tín dụng Việt Nam, 4¹ NHTM nhà nước chiếm gần như toàn bộ thị trường tiền gửi và cho vay, thì hiện nay hiện cả nước có khoảng 100 ngân hàng hoạt động. Cùng với đó là hàng loạt công ty tài chính và cho thuê tài chính, QTDND từ trung ương tới cơ sở (1.026 QTDND cơ sở, 1 QTDND trung ương). Do số lượng các TCTD tăng lên quá nhanh, tính chất và mức độ cạnh tranh giữa các TCTD vì thế cũng ngày càng thêm gay gắt.

(ii) **Cạnh tranh giữa các TCTD với các định chế tài chính khác.** Tính đến nay, tại Việt Nam có sự hiện diện của 17 công ty tài chính, 12 công ty cho thuê tài chính, 105 công ty chứng khoán, 78 công ty môi giới chứng khoán, 2 công ty bảo hiểm nhà nước, 16 công ty cổ phần bảo hiểm, 3 công ty liên doanh bảo hiểm, 17 công ty bảo hiểm 100% vốn nước ngoài, 1 công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia, 10 công ty môi giới

Nguyễn Trọng Tài, TS., Học viện Ngân hàng.

1. Thành Hưng (2012): Các NHTM Việt Nam lớn như thế nào?. www.cafef.vn, ngày 20-12-2012.

bảo hiểm. Các định chế tài chính này đã và đang có sự cạnh tranh khá quyết liệt với các NHTM trong một số lĩnh vực dịch vụ ngân hàng truyền thống. Một thực tế là sự cạnh tranh giữa các định chế tài chính trong lĩnh vực huy động vốn và cho vay diễn ra rất quyết liệt, khiến môi trường tín dụng trong nhiều giai đoạn rất bất ổn. Hơn nữa, sự cạnh tranh quá mức lại chủ yếu tập trung tại một số khu vực đô thị lớn như Hà Nội hay TP.Hồ Chí Minh, trong khi đó tại hầu hết các khu vực nông thôn thì sự hoạt động của các tổ chức tín dụng lại rất mờ nhạt, thiếu sức sống. Biểu hiện:

Thứ nhất, mức độ đa dạng hóa loại hình dịch vụ không cao, chủ yếu tập trung vào cung ứng các dịch vụ ngân hàng truyền thống là huy động vốn, cho vay và thanh toán, các dịch vụ mới khó triển khai. Điều này xuất phát từ cả nguyên do khách quan lẫn chủ quan:

Lý do khách quan: trình độ phát triển của kinh tế Việt Nam chưa cao, nền tảng hạ tầng kỹ thuật chung chưa cho phép các NHTM triển khai các loại hình dịch vụ ngân hàng hiện đại. Hơn nữa, một bộ phận không nhỏ khách hàng trong nền kinh tế chưa có sự nhận thức đúng về vai trò và vị trí của các dịch vụ ngân hàng mới nên các NHTM sẽ khó triển khai.

Lý do chủ quan: việc triển khai các loại hình dịch vụ mới luôn đòi hỏi điều kiện về hạ

tầng kỹ thuật công nghệ ở mức tương thích, trong khi hạ tầng kỹ thuật của hệ thống ngân hàng Việt Nam còn khá bất cập (Theo Ngân hàng Thế giới, công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam vẫn còn ở mức thấp kém. Chỉ số công nghệ ngân hàng ở Việt Nam mới chỉ là (-0,47) trong khi ở Trung Quốc là (-0,35); Thái Lan (-0,07), Indônêxia (-0,07), Malaysia là 1,08 và của Xingapo là 1,95). Nhưng để có thể triển khai được các kỹ thuật công nghệ hiện đại luôn đòi hỏi chi phí cao, trong khi năng lực tài chính của hầu hết các NHTM còn rất thấp. Ngoài yếu tố kỹ thuật công nghệ thì cũng không thể không đề cập đến những bất cập về chất lượng nguồn nhân lực của các NHTM. Do kinh doanh ngân hàng là kinh doanh trên cơ sở chấp nhận rủi ro. Nhưng suy cho cùng thì mọi rủi ro đều xuất phát từ yếu tố con người, nên để giảm thiểu rủi ro thì chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống ngân hàng luôn phải được đặt ra một cách cấp thiết. Thực tế thì chất lượng nguồn nhân lực ở không ít NHTM Việt Nam chưa thực sự tương thích với việc triển khai các loại hình dịch vụ mới tuy có nhiều tiện ích nhưng tiềm ẩn rủi ro rất cao. Hơn nữa, bản thân nhiều loại hình dịch vụ lại chủ yếu dựa trên cơ sở chất lượng nguồn nhân lực của các NHTM phải cao, ví dụ các dịch vụ về môi giới hay tư vấn ... Rõ ràng là có không ít NHTM Việt Nam chưa có sự chuẩn bị tốt cho vấn đề này (xem bảng 1).

BẢNG 1: Cơ cấu trình độ của hệ thống ngân hàng Việt Nam tính đến ngày 31-12-2009 (%)

Trình độ	Toàn hệ thống	NHNN	NHTMNN	NHTMCP	NHLD, NNg	Tổ chức khác
Tiến sỹ	0,28	0,67	0,31	0,26	0,11	0,2
Thạc sỹ	3,48	6,3	4,61	2,97	2,9	1,2
Đại học/Cao đẳng	62,59	64,28	62,46	66,83	78,24	73,6
Trung cấp	20,08	8,68	17,83	20,38	0,84	2,1
Sơ cấp và chưa qua đào tạo	13,57	20,07	14,79	9,56	17,91	22,9

Nguồn: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đề tài KNH 2009 - 07.

Nếu tính chung cho toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam đến cuối năm 2009 thì vẫn có tới trên 33% lực lượng lao động đào tạo ở mức

thấp và chưa qua đào tạo. Đối với lực lượng đào tạo từ đại học/cao đẳng trở lên thì có tới gần 63% mới qua đào tạo bậc đại học/cao

đẳng. Số lượng cán bộ được đào tạo trên đại học quá thấp. Trong đó, đặc biệt đối với khối

NHTM cổ phần, thì chỉ khoảng 3% được đào tạo trên đại học.

BẢNG 2: Cơ cấu lao động ở một số ngân hàng các nước năm 2004 (%)

	Các nước phát triển			Các nước đang phát triển		
	Anh	Nhật	CHLB Đức	Malaisia	Thái Lan	Việt Nam
ĐH và trên ĐH trong tổng số lao động	78	75	77	62	65	66,35

Nguồn: Đề tài khảo sát nguồn nhân lực ngân hàng ở Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

So sánh với khu vực và quốc tế thì thấy: chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống ngân hàng Việt Nam năm 2009 chỉ tương đương các nước khu vực của năm 2004 và kém khá xa so với chất lượng nguồn nhân lực các NHTM các nước phát triển.

Đi sâu xem xét cơ cấu đào tạo thì thấy rằng, số cán bộ được đào tạo theo đúng chuyên ngành tài chính - ngân hàng chỉ chiếm khoảng trên dưới 43%. Có tới trên dưới 40% được đào tạo chuyên ngành kỹ thuật (bảng 3).

BẢNG 3: Cơ cấu chuyên ngành đào tạo đến 31-12-2009 (%)

	Tài chính- ngân hàng	Kinh tế	Đào tạo khác
Ngân hàng Nhà nước	41,0	15,0	44,0
NHTM	43,0	18,0	39,0

Nguồn: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đề tài KNH 2009 - 07.

Với thực trạng chất lượng nguồn nhân lực như vậy, thì sẽ rất khó khăn cho các NHTM mở rộng các loại hình dịch vụ ngân hàng mới và có thể nói, nếu các NHTM càng mở ra các loại hình dịch vụ mới, thì rủi ro tiềm ẩn càng cao. Trong điều kiện như vậy, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh, không được quản trị đúng mức không có gì là khó hiểu cả. Nghĩa là, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh hiện nay tại hầu hết các NHTM Việt Nam có nguyên nhân từ sự hiểu biết chưa sâu nghề kinh doanh ngân hàng của một bộ phận không nhỏ cán bộ, nhân viên trong các NHTM. Sự nhận thức chưa thấu đáo về lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt phần lớn cán bộ lại chưa có nhận thức đúng về vai trò và sự tác động của kinh doanh NH đối với các hoạt động kinh tế - xã hội chung, có thể sẽ gây những hậu quả tiêu cực đối với nền kinh tế - xã hội trên nhiều phương diện.

Thứ hai, hoạt động kinh doanh có mức độ rủi ro cao, đặc biệt là hoạt động tín dụng. Hầu hết các NHTM tập trung vào lĩnh vực tín dụng, thể hiện ở tốc độ tăng trưởng tín dụng khá cao. Cụ thể: năm 2007 tăng 51%; năm 2008: 30%; năm 2009: 37%; năm 2011: 12%. 8,91% năm 2012² (nhưng nếu tính cả hai kênh tín dụng và đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, thì mức tăng trưởng tín dụng năm khoảng 13,91%³). Dư nợ tín dụng cao trong khi chất lượng tín dụng lại khá thấp do có không ít NHTM thực hiện các hoạt động đầu tư có độ rủi ro cao. Cụ thể: (i) một số NHTM nhỏ cho vay lĩnh vực bất động sản quá cao (chiếm tới xấp xỉ 50% tổng dư nợ

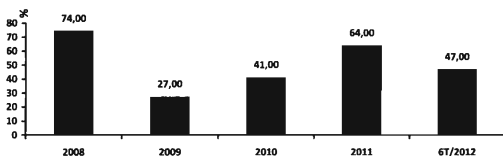
2. Nhật Nam (2013): Tín dụng 2012 tăng mạnh và "phút 89". www.vneconomy.vn, ngày 9-1-2013.

3. *Tín dụng 2012 tăng mạnh vào "phút 89"*. www.tapchitaichinh.vn, ngày 10-1-2013.

tín dụng)⁴. Một số NHTM tồn một tỷ trọng không nhỏ khoản cho vay bất động sản dưới hình thức các tài sản thế chấp. Do thị trường bất động sản trầm lắng, nên rủi ro gia tăng trong một bộ phận không nhỏ NHTM; (ii) một số NHTM không chỉ cho mà còn trực tiếp đầu tư vàng, ngoại tệ rủi ro tiềm ẩn lớn⁵, đồng thời gây rối loạn thị trường, khó khăn cho NHNN trong điều hành thị trường tiền tệ (những bất ổn trên thị trường vàng gần đây phản ánh rất rõ thực tế này); (iii) trong

hoạt động cho vay, các NHTM chưa thực sự chú trọng công tác sàng lọc khách hàng nên chất lượng tín dụng chưa cao. Theo thống kê, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam là khá cao (Theo Thống đốc Nguyễn Văn Bình thì nợ xấu hiện nay ở mức khoảng 8,6%⁶, Moody's đưa ra dự báo con số nợ xấu trên 8,6%⁷ trong khi đó tổ chức Fitch Rating lại dự báo nợ xấu lên đến trên 13%⁸) và tốc độ tăng trưởng nợ xấu hiện vẫn rất đáng quan ngại (hình 1).

HÌNH 1: Tốc độ tăng trưởng nợ xấu trong các NHTM Việt Nam⁹ (%)



2. Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam - thực tiễn và vấn đề đặt ra

Như trên đã phân tích, hiện hệ thống ngân hàng Việt Nam đang có khá nhiều bất cập cần phải nhanh chóng xử lý nhằm làm lành mạnh hóa hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, do đặc điểm hoạt động của hệ thống ngân hàng là kinh doanh trong lĩnh vực nhạy cảm và có liên quan mật thiết đến hầu hết các tổ chức và cá nhân trong xã hội; hơn nữa, sự hoạt động của chúng luôn mang tính chất quốc tế hóa, nên bất cứ một sự sai cách nào đối với hệ thống này cần phải hết sức thận trọng. Bởi nếu không như vậy thì cái giá phải trả sẽ rất lớn về kinh tế và xã hội. Đối với nước ta thì việc tái cơ cấu lại càng phải hết sức thận trọng. Lý do là:

- Mọi nhu cầu về vốn trong nền kinh tế đang "dồn tải" lên hệ thống ngân hàng, nên bất cứ một sự xáo trộn nào trong hoạt động của hệ thống ngân hàng đều có thể gây sốc cho nền kinh tế. Một số ý kiến đề nghị để hệ thống ngân hàng phải lành mạnh và hiệu quả phải tăng cường "thanh lọc", ngân hàng

nào yếu thì buộc phải cho phá sản nhằm tránh rủi ro đạo đức trong hệ thống này đang có xu hướng gia tăng¹⁰. Tuy nhiên, theo chúng tôi thì cần phải hết sức thận trọng khi xử lý đối với hệ thống ngân hàng. Cho dù ngân hàng đang thuộc diện phải sắp xếp lại là ngân hàng quy mô nhỏ hay lớn thì hậu quả đều là như nhau, thậm chí mức độ còn trầm trọng hơn, bởi thực tế là các NHTM lớn thì phần hầu hết hướng nào phân khúc thị trường doanh nghiệp lớn, trong khi phân khúc thị phần của hầu hết các NHTM nhỏ là đối tượng

4. Việt Thắng: *Sự thật nợ bất động sản: rùng mình những con số*. www.dantri.com.vn, ngày 5-7-2012.

5. Minh Đức: *NH lỗ nghìn tỷ vàng*. www.cafef.vn, ngày 20-10-2012.

6. Minh Đức: *Nợ xấu ngân hàng: sau mớ xề, đến xản tay*. www.vneconomy.vn, ngày 22-8-2012.

7. An Huy: *Moody's đưa ra 5 kịch bản xử lý nợ xấu tại Việt Nam*. www.cafef.vn, Ngày 4-10-2012.

8. Việt Thắng: *Sự thật nợ Bất động sản: rùng mình những con số*. www.dantri.com.vn, ngày 5-7-2012.

9. Minh Đức: *Nợ xấu ngân hàng: sau mớ xề, đến xản tay*. www.vneconomy.vn, ngày 22-8-2012.

10. Nguyễn Thảo: *Các tổ chức tín dụng cũng có thể phá sản*. www.vneconomy.vn, Ngày 18-10-2012.

khách hàng cá nhân và các doanh nghiệp nhỏ, chính vì thế mức "khuyến đại" các dư chấn lớn hơn nhiều.

- Các NHTM Việt Nam có năng lực tài chính yếu (và có vẻ cũng đang bị xói mòn dần¹¹), khả năng chống đỡ các cú sốc là không lớn, do vậy nếu như việc tái cấu trúc diễn ra quyết liệt, vượt quá khả năng chịu đựng của mỗi ngân hàng thì rất có thể hậu quả ngược sẽ xuất hiện. Bởi thực tế là việc cấu trúc thường được hướng vào các NHTM hoạt động yếu kém và hiện nay các NHTM hoạt động yếu kém thường là những NHTM nhỏ. Thực tế là hiện nay có không ít các ngân hàng này có chất lượng các tài sản Có không cao, nguy cơ tiềm ẩn rủi ro rất lớn¹². Vấn đề là nếu chúng ta thực hiện một cách cơ học việc tái cấu trúc, chẳng hạn sáp nhập 2 hoặc 3 ngân hàng nhỏ thành 1 ngân hàng có quy mô lớn hơn thì hậu quả là các bất cập sẽ ngày càng gia tăng và vấn đề lại càng trở nên khó giải quyết hơn so với khi giải quyết độc lập từng ngân hàng. Thời gian qua chúng ta đã bắt đầu thực hiện lộ trình sắp xếp lại hệ thống ngân hàng và các vụ sáp nhập đã và đang diễn ra. Để thấy hiệu quả thực của tiến trình này cần có thời gian mới kiểm định được. Tuy nhiên có hàng loạt vấn đề cần phải được trả lời thấu đáo, chẳng hạn về quyền lợi của các cổ đông của ngân hàng bị sáp nhập, khả năng quản trị một ngân hàng quy mô lớn hơn (vốn là vấn đề lớn đối với không ít NHTM Việt Nam hiện nay), vấn đề xử lý nợ xấu... Nếu như giải quyết bài toán bằng cách sáp nhập các ngân hàng nhỏ hoạt động yếu kém vào các ngân hàng lớn hoạt động hiệu quả thì vấn đề lại dễ dàng hơn nhiều. Tuy nhiên, vấn đề cần chú ý là quá trình này có vi phạm luật cạnh tranh hay không? Bởi vì rất có thể các ngân hàng lớn thông qua "cơ hội" này để thâm tóm thị phần và hoạt động kinh doanh có tính chất lũng đoạn thị trường và khi đó, bài toán về quản lý thị trường của các nhà chức trách tiến tế lại trở nên nan giải hơn. Hơn nữa, hầu hết các NHTM lớn là thuộc sở hữu nhà nước hoặc sở hữu nhà nước chi phối,

do vậy nếu như vấn đề sáp nhập các NHTM nhỏ vào các NHTM nhà nước thì có vẻ không hợp lý và đi ngược lại chủ trương cổ phần hóa những năm qua ở nước ta.

- Tái cấu trúc căn bản phải dựa trên nền tảng một thị trường tài chính ổn định và lành mạnh và phải gắn chặt giữa tái cấu trúc với duy trì sự ổn định của thị trường tài chính, trong đó không thể thiếu vai trò sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô. Điều này đặt ra một vấn đề có tính điều kiện: các chính sách kinh tế vĩ mô phải có sự cân trọng và hỗ trợ cần thiết để tạo điều kiện cho cái cách hệ thống ngân hàng thành công.

Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng không phải là một chủ trương mới, bởi một số năm trước đây chúng ta đã đặt ra vấn đề này, nhưng vấn đề là ở chỗ chúng ta thực hiện chưa theo một kịch bản nào cả, hơn nữa, hình như chúng ta cũng chưa thực sự quyết tâm thực hiện. Hiện nay vấn đề tái cấu trúc đã là một nhiệm vụ trọng tâm của ngành, bởi hiện hệ thống ngân hàng đang tỏ ra có nhiều bất cập về hoạt động, chưa làm tốt vai trò của một trung gian tài chính trong nền kinh tế khiên dòng vốn đang bị ách tắc, chi phí vốn quá cao, đồng thời chưa thực sự đóng được vai trò là một trung gian truyền tải các thông điệp chính sách của NHNN đến nền kinh tế. Hơn nữa, Trung ương Đảng cũng đã ra nghị quyết về vấn đề này (Nghị quyết Trung ương 3, Khóa XI).

Lộ trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam sẽ phải hướng đến những mục tiêu nào? Có một số ý kiến cho rằng mục tiêu của quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam phải là: (i) củng cố hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng thông qua việc bảo đảm khả năng thanh toán và khả năng sinh lời; (ii) cải thiện năng lực thực hiện chức

11. Thành Hưng: "Sức khỏe" các ngân hàng ngày càng đi xuống. www.vneconomy.vn, ngày 5-11-2012.

12. Thành Hưng: "Sức khỏe các ngân hàng ngày càng đi xuống. www.vneconomy.vn, ngày 5-11-2012.

năng trung gian tài chính của hệ thống ngân hàng giữa người đi vay và người cho vay; (iii) khôi phục niềm tin của công chúng¹³. Theo chúng tôi thì những mục tiêu này là tương đối hợp lý. Song như cách đặt vấn đề thì có một yếu tố rất quan trọng mà chúng ta phải chú ý là làm sao để các NHTM Việt Nam trở thành trung gian truyền tải được các thông điệp chính sách của Ngân hàng Nhà nước đến nền kinh tế.

Theo ý kiến một số chuyên gia trong ngành thì quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam phải qua ba giai đoạn: củng cố thanh khoản, lành mạnh tài chính thông qua xử lý nợ xấu và tái cơ cấu hoạt động¹⁴. Ý kiến này là hợp lý bởi thực tế hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay, quản lý thanh khoản đang thực sự là vấn đề đáng quan ngại. Đồng thời, nợ xấu cũng đang là lực cản cho quá trình tái cấu trúc. Tuy vậy, nếu như chúng ta xử lý theo kiểu tuần tử thì quá trình này chắc chắn sẽ bị kéo dài. Nhưng nếu chúng ta thực hiện lộ trình này một cách nóng vội thì sẽ không đạt được mục tiêu đề ra. Vậy làm thế nào để giải quyết hài hòa các bất cập này? Theo chúng tôi, thì việc thực hiện lộ trình tái cấu trúc này phải linh hoạt, trước hết phải xử lý triệt để những bất cập đang làm phức tạp thị trường tiền tệ và tín dụng, nhưng bản thân những nhân tố đó sẽ có những vấn đề phải xử lý ngay, có những vấn đề phải xử lý có lộ trình, như vấn đề thanh khoản thì có thể xử lý nhanh, nhưng vấn đề nợ xấu thì sẽ phải mất nhiều thời gian và phí tổn. Điều quan trọng là chúng ta không nên làm theo kiểu “chiến dịch”, thực hiện một cách “đại trà”, mà làm có lựa chọn, bắt đầu từ những ngân hàng lớn, những ngân hàng mà nếu làm tốt sẽ có tác động “bứt phá”. Bên cạnh đó, việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng cần chú ý một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, cần tạo ra một cơ cấu các NHTM đa dạng hơn về quy mô và hoạt động minh bạch hơn. Như đã phân tích ở trên thì hiện nay nhu cầu về vốn trong nền kinh tế là

rất đa dạng, nhất là các nhu cầu vốn nhỏ lẻ tại hầu hết các khu vực nông thôn là rất lớn, nhưng do hiện tại hầu hết các vùng này còn khá thiếu vắng các định chế tài chính (chủ yếu là sự hiện diện của các phòng giao dịch của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các phòng giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội. Bên cạnh đó là sự hoạt động của một số QTDND (song không phải địa phương nào cũng có sự hiện diện của các loại hình này), các tổ chức tài chính vi mô). Có thể nói thị trường tài chính khu vực nông thôn hiện nay rất kém phát triển, tạo kẽ hở cho các loại hình “tín dụng đen” phát triển, gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như những hậu quả rất không mong đợi về mặt kinh tế và xã hội.

Để xử lý tốt những bất cập này thì theo chúng tôi nên khuyến khích phát triển các QTDND cơ sở và tạo cơ chế để loại hình này phát huy tác dụng tại các vùng nông thôn thông qua cơ chế thuế (miễn hay giảm thuế một số năm nhất định) và vốn (yêu cầu các NHTM không trực tiếp cho vay khu vực nông thôn phải dành một tỷ lệ vốn nhất định với lãi suất hợp lý cho các QTDND). Bên cạnh đó, cần có giải pháp cần thiết để phát triển các NHTM cổ phần nông thôn: *(i) về cơ chế chính sách*: cho phép các ngân hàng này không phải tuân thủ qui định về vốn chủ sở hữu theo Nghị định 141; đồng thời, Ngân hàng Nhà nước cần có giải pháp về chính sách tiền tệ cần thiết thông qua quy định về dự trữ bắt buộc, về hỗ trợ thanh khoản, về tái cấp vốn thông qua thực thi một số nhiệm vụ mà Ngân hàng Nhà nước chỉ định (chuyển toàn bộ các khoản cho vay theo chỉ định để các NHTM cổ phần nông thôn thực hiện, chẳng hạn về cho vay tạm trữ lương thực, cho vay hỗ trợ nuôi trồng và xuất khẩu thủy sản...);

13. Nguyễn Hồng Sơn: *Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng: Những vấn đề lý luận, kinh nghiệm một số nước Châu Á và hàm ý cho Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 7-2012.

14. Nguyễn Hoài: *Tái cơ cấu ngân hàng đang đến đâu*. www.cafef.vn, ngày 24-9-2012.

(ii) về tài chính: Nhà nước nên đưa ra các giải pháp về tài chính cho loại hình này thông qua mua cổ phần; đồng thời, có chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp một số năm đầu đi vào hoạt động.

Thứ hai, do tái cấu trúc hệ thống ngân hàng chịu tác động bởi nhiều nhân tố trong nước và quốc tế và sẽ có tác động tới nhiều chủ thể khác nhau, nên vấn đề này cần phải hết sức thận trọng và có một lộ trình thật phù hợp. Về mặt nguyên lý thì vấn đề tái cấu trúc sẽ diễn ra trong toàn hệ thống, nhưng mục tiêu vẫn là hướng vào các NHTM nhỏ, hoạt động yếu kém, nhưng phải hết sức thận trọng (do các ngân hàng này có mối quan hệ khách hàng là khá lớn, chủ yếu là các khách hàng cá nhân nhỏ lẻ, nên những bất cập sẽ bị khuếch đại rất nhanh và mạnh): (i) cần làm trong sạch bảng cân đối kế toán của các NHTM cần cơ cấu lại, bảo đảm rằng các khoản tín dụng có vấn đề nằm trong tầm kiểm soát được; (ii) đánh giá tầm ảnh hưởng của ngân hàng đến khu vực địa bàn hoạt động để đưa ra giải pháp hợp lý (nếu cần thiết thì Nhà nước vẫn có thể mua cổ phần để nắm quyền kiểm soát, tuyệt đối không để diễn ra tình trạng “sổ hữu chéo”, nhất là tình trạng các NHTM nhà nước tiếp tục nắm cổ phần tại các ngân hàng đang cần cơ cấu, vì nó dễ bị che khuất bản chất bên trong của các bất cập; (iii) vấn đề cơ cấu lại các NHTM nhỏ thực chất là chúng ta muốn cho các ngân hàng này có tình hình tài chính và kinh doanh lành mạnh hơn, chủ yếu thông qua M&A. Nhưng quá trình này không thể diễn ra một cách cơ học, mà cần có sự tự nguyện của các bên đối tác. Đây là khó khăn rất lớn, do văn hóa kinh doanh của mỗi ngân hàng là khác biệt nhau và nó còn đụng chạm tới quyền và lợi ích cá nhân... (đây cũng chính là lý do khiến quá trình cơ cấu lại trước đây không thành công).

Việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng là vấn đề lớn và đã nằm trong lộ trình mà Ngân hàng Nhà nước hoạch định và đang tiếp tục thực thi. Vấn đề lớn mà hệ thống NHTM Việt

Nam sẽ tiếp tục phải đối mặt là vấn đề nợ xấu và vì thế, xử lý nợ xấu vẫn là vấn đề được đặt ra một cách cấp bách. Theo ý kiến của hầu hết chuyên gia kinh tế tài, vấn đề xử lý nợ xấu phải là một quá trình lâu dài và phải nhận được sự đồng thuận và hỗ trợ tích cực của tất cả các cấp, các ngành và các cấp chính quyền thì mới giải quyết được. Theo chúng tôi, để xử lý nợ xấu cần phải hết sức chú ý: nợ xấu không chỉ có tính lịch sử, mà còn là vấn đề gắn với đặc thù riêng của từng mối quan hệ ngân hàng - khách hàng. Chính vì vậy, xử lý nợ xấu không thể tiến hành theo kiểu chiến dịch, mà phải tuân thủ một qui trình chặt chẽ: *một là*, phải tuân thủ nguyên tắc xử lý rủi ro tín dụng do Basel đưa ra là phải công khai hóa rủi ro. Đến bây giờ mà các NHTM không nhận thức được vấn đề có tính nguyên tắc này thì quả là đáng trách và không thể được. *Hai là*, từng NHTM phải trình phương án xử lý nợ xấu riêng trên cơ sở đặc điểm kinh doanh và đối tượng khách hàng của mình. *Ba là*, các NHTM phải trình phương án xử lý rủi ro với Ngân hàng Nhà nước, trên cơ sở đó Ngân hàng Nhà nước sẽ đưa ra các kịch bản xử lý rủi ro. Các kịch bản này cũng phải chỉ ra cho được phí tổn để xử lý là thế nào, chính sách tiền tệ để hỗ trợ thanh khoản là thế nào và công cụ gì được sử dụng (thị trường mở? dự trữ bắt buộc? tái cấp vốn?...). Chính sách tài khóa phải tham gia ở chỗ nào với liều lượng nào? (thuế thu nhập doanh nghiệp? bơm vốn ngân sách nhà nước?...). Hiện nay đã xuất hiện khá nhiều ý kiến đề xuất về cách xử lý nợ xấu, chẳng hạn thông qua công ty xử lý nợ xấu độc lập, công ty xử lý nợ xấu do Ngân hàng Nhà nước quản lý¹⁵... Theo ý kiến chúng tôi thì các công ty xử lý nợ xấu là loại công cụ hỗ trợ cần thiết, song nếu chúng ta không có một kịch bản rõ ràng mà cứ coi một công ty chuyển xử lý nợ xấu (mua bán nợ) đã là chìa khóa vạn năng

15. Nguyễn Trí Hiếu: *Tọa đàm Đánh giá hiệu quả chính sách tiền tệ 10 tháng đầu năm và khuyến nghị chính sách*. Hà Nội, ngày 5-11-2012.

cứu cánh thì có vẻ cũng chưa ổn lắm, bởi đây thực chất là chúng ta đã dồn hết “trứng xấu” vào một “giỏ” để xử lý chung (điều này tốt ở chỗ nó nhanh chóng giúp các NHTM lành mạnh hóa tình hình tài chính để hoạt động bình thường), song vấn đề nợ xấu vốn dĩ là vấn đề hết sức riêng biệt với từng NHTM, thì bây giờ chúng ta lại biến chúng trở thành loại “tả pí lù” nợ xấu và chắc chắn sẽ rất khó xử lý, nếu như không muốn nói là “nhốt” chúng (nợ xấu) lại.

Thứ ba, phát huy vai trò của các công cụ chính sách tiền tệ đặc biệt cho quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng. Những năm qua, Ngân hàng Nhà nước ngày càng khẳng định được vai trò và vị trí của mình trong việc kiểm soát thị trường tiền tệ thông qua các công cụ chính sách được sử dụng khá linh hoạt. Tuy nhiên, thực tế là các công cụ chính sách chưa thực sự hiệu quả, còn gây các tác dụng phụ, đặc biệt là do việc sử dụng chúng chưa thực sự minh bạch nên thường tạo ra các tâm lý kỳ vọng của các tác nhân trên thị trường (về lạm phát, về tăng tỷ giá, lãi suất ...). Trong một số giai đoạn, mặc dù Ngân hàng Nhà nước công bố các số liệu và khẳng định thanh khoản của hệ thống ngân hàng đang được duy trì tốt, song thực tế là ngay sau đó thì lãi suất liên ngân hàng nóng lên. Hay có những giai đoạn Ngân hàng Nhà nước công bố cung cầu trên thị trường ngoại hối đang được duy trì tốt (thậm chí tuyên bố đang dư cung ngoại tệ), song ngay sau đó thì tỷ giá thị trường nóng lên... Những bất cập này có nhiều nguyên nhân, song theo chúng tôi, có một số nguyên nhân mà Ngân hàng Nhà nước cần phải hết

sức chú ý: (i) cần có cơ chế công bố thường xuyên hơn các thông tin về dự trữ ngoại tệ, đặc biệt chú ý công bố các thông tin về cân cán thanh toán quốc tế (một số cân cán quan trọng); (ii) thời gian qua, mặc dù Ngân hàng Nhà nước vẫn công bố rằng thanh khoản trong toàn hệ thống ngân hàng đang được duy trì tốt, song ngay sau đó lãi suất liên ngân hàng dần nóng lên. Có vẻ hiện nay thanh khoản không còn là vấn đề phải quan tâm, nhưng lãi suất vẫn đang “âm thầm” nóng lên (nhiều NHTM công khai niêm yết lãi suất huy động 12%/năm bất chấp các qui định của Ngân hàng Nhà nước¹⁶). Lãi suất thị trường tăng lên chỉ có thể giải thích bởi nguyên nhân cung - cầu trên thị trường tín dụng có bất cập trong lúc Ngân hàng Nhà nước liên tục bơm vốn trên thị trường mở. Điều này đặt ra vấn đề là Ngân hàng Nhà nước cần thiết phải linh hoạt hơn trong điều hành thị trường tiền tệ, trong đó nên đặc biệt chú ý kiểm soát các NHTM cổ phần quy mô nhỏ, bởi những vấn đề bất cập những năm qua thường chủ yếu xuất phát từ khu vực này, kể cả thời gian này, khi mà lãi suất thị trường đang nóng dần lên có lẽ cũng có lý do từ những bất cập trong hoạt động tín dụng của khu vực này./

16. Thông tư 30/2011/TT-NHNN ngày 28-9-2011 của Ngân hàng Nhà nước; Thông tư 19/2012/TT-NHNN ngày 8-6-2012 của Ngân hàng Nhà nước về quy định trần lãi suất huy động VND.